

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1021/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Tỷ.
2. Bà Bùi Diệu Huệ.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1880/2020/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh; Sinh năm: 1971; Hộ khẩu thường trú: 88/7 MGX, khu phố 24, phường BHHA, quận BT, Thành phố H; Tạm trú: 272/10B LVQ, Khu phố 24 phường BHHA, quận BT, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc H; Sinh năm: 1962; Hộ khẩu thường trú: 88/7 MGX, khu phố 24, phường BHHA, quận BT, Thành phố H; Tạm trú: 272/10B LVQ, Khu phố 24 phường BHHA, quận BT, Thành phố H.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Nh trình bày tại bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ như sau:*

Bà và ông Phạm Ngọc H có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 1989. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Bình, huyện

Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 29 tháng 9 năm 1989. Sau khi kết hôn chung sống tại địa chỉ 88/7 MGX, khu phố 24, phường BHHA, quận BT, Thành phố H. Trong thời gian sống chung ông bà thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa bà và ông H có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình, bạo lực gia đình diễn ra liên tục và mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Tòa án đã cho thời gian để hai bên hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa hai người đã phát sinh từ lâu nên khó có thể thay đổi và hàn gắn được. Hai bên không thể thay đổi vì nhau và không thể có tiếng nói chung. Bà cảm thấy giữa bà và ông H không thể chung sống được nữa. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài nên hai người đã không còn tình cảm gì với nhau. Bà cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nh xác nhận có 02 (Hai) con chung là Phạm Ngọc H1 (Nam), sinh ngày: 10/02/1991 và Phạm Thị H2 (Nữ), sinh ngày: 09/9/1994. Cả hai con đều đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nh tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

*Bị đơn – vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.*

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng thời hạn quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, về con chung đã trưởng thành nên không xét, về tài sản chung, nợ chung đương sự không có và không yêu cầu nên không xem xét. Từ những điều này đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Nh có yêu cầu ly hôn đối với bị đơn - ông Phạm Ngọc H, ông H hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Nh có đơn xin vắng mặt, bị đơn - ông Phạm Ngọc H vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào quy định tại Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01, ngày 29 tháng 9 năm 1989 do Ủy ban nhân dân xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình cấp, cùng lời khai của bà Nh về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông H là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu được ly hôn với bị đơn - ông Phạm Ngọc H vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và thời gian ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Bị đơn - ông Phạm Ngọc H đã được triệu tập nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà Nh cho Tòa án. Có nghĩa là ông H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên ông H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn xác minh mâu thuẫn giữa bà Nh và ông H tại địa phương nơi cư trú của các đương sự. Tuy nhiên, tại địa phương không nhận được yêu cầu hoà giải mâu thuẫn gia đình của bà Nguyễn Thị Nh và ông Phạm Ngọc H. Vì vậy, không có thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình giữa bà Nh và ông H để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, mặc dù giữa hai đương sự không phát sinh mâu thuẫn phải nhờ chính quyền

địa phương can thiệp giải quyết nhưng nguyên đơn thừa nhận đã hết yêu thương và hết tình cảm với bị đơn và mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn. Đối với bị đơn - ông Phạm Ngọc H, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để làm việc nhưng ông H không đến Tòa án và không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà Nh. Cho thấy ông H không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và không có thiện chí hàn gắn gia đình. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân tồn tại trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng và chăm lo hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông H đã không còn tiếng nói chung. Hạnh phúc gia đình phải được xây dựng và vun đắp bằng tình yêu thương từ hai phía, tình yêu, tình thương giữa vợ và chồng là nền tảng vững chắc để xây dựng hôn nhân hạnh phúc và bền vững. Tuy nhiên, bà Nh khẳng định đã không còn tình cảm và không còn yêu thương ông H nên không đồng ý hàn gắn gia đình. Tòa án đã cho các đương sự một thời gian dài để hai bên hàn gắn hạnh phúc và thay đổi những điều chưa làm được trong hôn nhân nhưng các bên vẫn không thực hiện được. Vì vậy, việc đoàn tụ và hàn gắn tình cảm giữa bà Nh và ông H là khó thực hiện. Cho thấy, mâu thuẫn giữa hai người đã xảy ra nhiều năm, giữa hai người đã không tìm thấy tiếng nói chung, không còn yêu thương, tin tưởng lẫn nhau. Chính những điều này đã làm cho hôn nhân lâm của bà Nh và ông H vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nh.

[4.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nh xác nhận có 02 (Hai) con chung là Phạm Ngọc H1 (Nam), sinh ngày: 10/02/1991 và Phạm Thị H2 (Nữ), sinh ngày: 09/9/1994. Hai con chung đều đã trưởng thành và không có yêu cầu gì về con chung, nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nh khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Nh phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 0062835 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nh đã nộp đủ tiền án phí.

[6] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức, thời gian chậm đưa vụ án ra xét xử và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Nh đối với ông Phạm Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01, ngày 29 tháng 9 năm 1989 do Ủy ban nhân dân xã Quang Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (Hai) con chung là Phạm Ngọc H1 (Nam), sinh ngày: 10/02/1991 và Phạm Thị H2 (Nữ), sinh ngày: 09/9/1994, cả hai con chung hiện đều trưởng thành và không có yêu cầu gì về con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Nh khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Nh phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 0062835 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Lệ Hoa**